

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 18-11-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Minh;

Ông Lê Đình Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Lớn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 555/2019/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Cao Thị H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh Dương Văn P, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Ấp L, xã G, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Các đương sự có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Cao Thị H trình bày:

Chị và anh Dương Văn P chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh vào năm 2003. Sau khi cưới, vợ chồng chị về sống cùng nhà cha mẹ chị tại xã S, huyện Dương Minh Châu. Sau đó, vợ chồng chị về sinh sống tại nhà cha

mẹ chị thuộc ấp B, xã T, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Năm 2009, vợ chồng về xây nhà trên đất của cha mẹ chị cho tại ấp L, xã G, huyện Trảng Bàng sinh sống đến nay. Chị làm công nhân, chồng chị làm thợ hồ, kinh tế độc lập với gia đình. Vợ chồng chị bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân là do anh P thường xuyên đi uống rượu cùng bạn bè, về nhà lại gây gổ với chị và thường đánh chị nhưng không gây thương tích, không phải nhập viện điều trị. Chị khuyên can nhiều lần nhưng anh P vẫn không thay đổi, chị nghi ngờ anh P có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Mặt khác, chị thừa nhận vào cuối năm 2018, chị từng có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nhưng từ khi bị anh P phát hiện thì chị đã chấm dứt quan hệ với người này, không còn liên lạc. Tháng 3-2019, chị dọn ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống, vợ chồng tự ly thân đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh P.

Về con chung: Vợ chồng chị có 03 người con chung là cháu Dương Thị M, sinh ngày 06-10-2001, cháu Dương Thị N, sinh ngày 26-5-2004 và cháu Dương Văn H, sinh ngày 23-12-2006. Hiện tại, cả ba cháu đang sống cùng nhà của vợ chồng chị, các cháu rất khỏe mạnh, phát triển bình thường, không bị bệnh tật, dị tật bẩm sinh. Khi ly hôn, cháu M đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N và cháu H, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Dương Văn P trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn và nơi sinh sống sau khi kết hôn là đúng. Tuy nhiên, anh không có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác như chị H trình bày. Vợ chồng anh bắt đầu mâu thuẫn từ năm 2018, nguyên nhân là do anh nhiều lần bắt gặp chị H có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Anh có mời cha mẹ vợ anh đến giải quyết nhưng chị H vẫn không thay đổi, thường xuyên qua lại với người đàn ông này. Anh thừa nhận có đánh chị H một lần khi anh bắt gặp chị H ngoại tình, nhưng không gây thương tích, không phải nhập viện điều trị. Tháng 3-2019, chị H dọn ra ngoài thuê nhà trọ sinh sống, vợ chồng tự ly thân đến nay. Nay anh không đồng ý ly hôn chị H, yêu cầu đoàn tụ cùng chị H.

Về con chung: Vợ chồng anh có 03 người con chung là cháu Dương Thị M, sinh ngày 06-10-2001, cháu Dương Thị N, sinh ngày 26-5-2004 và cháu Dương Văn H, sinh ngày 23-12-2006. Nếu Tòa án xét xử cho vợ chồng anh ly hôn, cháu M đã trưởng thành, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi

dưỡng. Anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu H, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không nợ ai, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị H đối với anh Dương Văn P.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh P chung sống với nhau vào năm 2000, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh vào năm 2003. Do đó, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn và vợ chồng tự sống ly thân từ tháng 3-2019 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H từng có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng mất lòng tin về tình cảm đối với nhau, dẫn đến vợ chồng bất hòa, thường xuyên gây gổ nhau. Tuy nhiên, chị H cho rằng hiện tại anh P đang có quan hệ tình cảm với người khác nhưng anh P không thừa nhận, chị H cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc anh P ngoại tình. Do đó, lời trình bày của chị H là không có căn cứ. Ngoài ra, giữa vợ chồng anh, chị không còn mâu thuẫn nào khác.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh P không trầm trọng, đời sống chung còn có thể kéo dài, mục đích hôn nhân còn có thể đạt được. Cụ thể, chị H và anh P chung sống đến nay gần hai mươi năm, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và chỉ xảy ra mâu thuẫn từ cuối năm 2018, hiện tại anh, chị chỉ ly thân từ tháng 3-2019 đến nay. Trong thời gian ly thân, anh P đã nhiều lần đi tìm chị H để đặt vấn đề đoàn tụ. Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần và tại phiên tòa anh P đều

không đồng ý ly hôn, yêu cầu đoàn tụ cùng chị H. Vì vậy, khả năng đoàn tụ giữa anh P và chị H vẫn còn. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H đối với anh P là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H nên không giải quyết việc nuôi dưỡng con chung trong vụ án này.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh P không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Cao Thị H đối với anh Dương Văn P.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Án phí: Chị Cao Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017460 ngày 12 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- UBND xã S, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Minh Thư

